

DANH SÁCH SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC KHÓA 2022, 2023, 2024 NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025 (DỰ KIẾN)

** Sinh viên lưu ý: + Đây là kết quả dự kiến, kết quả chính thức có thể sẽ có thay đổi, cập nhật sau thời gian sinh viên khiếu nại.*

+ Chương trình nhân tài năng K2022, 2023 tạm thời chưa xét.

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
1	22110018	Trần Phạm Quốc Anh	9,84	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
2	22110038	Trần Thành Đạt	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
3	22110049	Đỗ Tiền Hải	9,88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
4	22110075	Lê Đăng Phan Huy	9,9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
5	22110129	Trần Thị Kim Ngân	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
6	22110144	Hoàng Yến Nhi	9,73	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
7	22110182	Bùi Huỳnh Xuân Quyên	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
8	22110231	Dương Hoàng Ngọc Trâm	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
9	22110237	Võ Phát Triển	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
10	22120009	Trương Vĩnh An	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
11	22120160	Bùi Lê Anh Khoa	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
12	22120186	Huỳnh Tấn Lộc	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
13	22120194	Nguyễn Nhật Long	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
14	22120201	Huỳnh Mẫn	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
15	22120208	Hoàng Hồ Nhật Minh	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
16	22120219	Mai Nhật Nam	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
17	22120238	Nguyễn Minh Nguyên	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
18	22120246	Nguyễn Đình Nhân	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
19	22120248	Nguyễn Trọng Nhân	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
20	22120256	Ma Thanh Nhi	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
21	22120263	Nguyễn Thành Phát	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
22	22120301	Nguyễn Trung Quốc	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
23	22120315	Nguyễn Văn Tài	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
24	22120368	Phan Thanh Tiến	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
25	22130029	Nguyễn Hải Đăng	9,82	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
26	22130046	Phạm Nguyễn Thanh Giàu	9,44	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
27	22130134	Lâm Tâm Như	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
28	22130143	Võ Minh Phước	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
29	22130153	Quách Thiệu Sâm	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
30	22130165	Nguyễn Văn Long Thành	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
31	22130103	Trần Nguyễn Anh Minh	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
32	22130155	Hoàng Chí Sĩ	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
33	22140003	Ngô Quốc An	9,14	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
34	22140102	Thái Minh Lập	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
35	22140108	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
36	22140131	Trần Minh Ngọc	9,01	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
37	22140150	Dương Hoài Ninh	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
38	22140161	Trần Minh Phúc	9,24	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
39	22140186	Trần Nghiêm Thành	9,03	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
40	22140205	Đào Khánh Thuận	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
41	22150020	Trần Chí Bảo	8,9	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
42	22150035	Tạ Thị Hằng	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Sinh học
43	22150036	Trần Thị Mỹ Hạnh	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Sinh học
44	22150067	Lê Nhật Minh	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Sinh học
45	22160015	Nguyễn Trần Trọng	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Địa chất học
46	22170048	Phùng Kim Oanh	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
47	22170050	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
48	22170059	Võ Thị Hồng Thẩm	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
49	22180026	Phạm Vũ Hồ Châu	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
50	22180032	Nguyễn Đặng Chí Cường	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
51	22180123	Phan Vũ Gia Nghi	9,18	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
52	22180124	Võ Hà Phương Nghi	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
53	22180132	Phạm Cao Thanh Nhã	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
54	22180141	Nguyễn Thị Yến Ni	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
55	22180160	Nguyễn Dương Quân	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
56	22180222	Ngô Thảo Uyên	8,99	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
57	22190001	Võ Thúy An	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
58	22190038	Ngô Vũ Lê Khoa	9,17	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
59	22190061	Trần Bùi Yến Nhi	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
60	22200019	Lê Phong Cảnh	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
61	22200041	Nguyễn Bảo Duy	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
62	22200159	Nguyễn Huyền Thương	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
63	22200160	Nguyễn Thủy Tiên	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
64	22200163	Phạm Văn Tín	9,65	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
65	22200183	Nguyễn Quốc Việt	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
66	22210012	Nguyễn Văn Quang	8,38	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
67	22220012	Võ Hoàng Duy	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
68	22220037	Tạ Huỳnh Nhi	8,7	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
69	22220039	Trần Huy Nhon	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
70	22230041	Nguyễn Văn Thiêm	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
71	22250001	Huỳnh Phước An	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
72	22250049	Nguyễn Hoàng Thor	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
73	22260001	Lê Tuấn Anh	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
74	22260008	Phạm Tấn Đạt	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
75	22270004	Trần Lê Yến Chi	8,87	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật địa chất
76	22280034	Trương Minh Hoàng	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
77	22280037	Nguyễn Thị Xuân Hương	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
78	22280050	Hứa Tuấn Kiệt	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
79	22280055	Lê Thành Nam	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
80	22280097	Mai Thị Hồng Trinh	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
81	22290022	Phạm Thị Nhị	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
82	22290026	Lữ Thị Như Quỳnh	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
83	23110019	Nguyễn Đỗ Gia Huy	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
84	23110038	Nguyễn Trọng Phú	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
85	23110041	Tạ Châu Quý	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
86	23110117	Lê Công Toàn	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
87	23110126	Nguyễn Hoàng Vũ Nguyên	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
88	23110131	Lê Thị Ngọc Anh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
89	23110183	Đỗ Lê Tuyết Ly	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
90	23120069	Nguyễn Trần Quỳnh Như	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
91	23120094	Hà Công Thuận	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
92	23120175	Huỳnh Thái Toàn	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
93	23120195	Lê Hà Thanh Chương	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
94	23120197	Trà Văn Sỹ	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
95	23120199	Huỳnh Đức Thịnh	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
96	23120200	Nguyễn Hưng Thịnh	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
97	23120201	Nguyễn Thị Trúc Hằng	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
98	23120232	Lê Thượng Đế	9,89	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
99	23120255	Lê Tấn Hiệp	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
100	23120294	Lê Chí Hoàng Long	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
101	23120354	Trịnh Hồ Minh Thắng	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
102	23122030	Phạm Phú Hòa	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
103	23122031	Nguyễn Huy Hoàng	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
104	23130003	Lã Trường An	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
105	23130036	Phạm Thị Hồng Nhung	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
106	23130040	Nguyễn Trọng Quang	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
107	23130050	Lê Trí Toàn	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
108	23130104	Nguyễn Thành Đạt	8,6	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
109	23130106	Diệp Thiên Du	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
110	23130119	Nguyễn Minh Hải	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
111	23130137	Võ Hoàng Khang	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
112	23130199	Võ Chúc Phong	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
113	23137014	Lê Ngọc Khánh Nghi	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
114	23130030	Trần Thị Cẩm Ly	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
115	23130256	Nguyễn Văn Trường	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
116	23140001	Phạm Từ Khánh Hưng	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
117	23140003	Vũ Văn Hoàng	9,07	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
118	23140017	Nguyễn Lê Kha Thi	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
119	23140023	Nguyễn Phạm Minh Trí	8,78	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
120	23140032	Hoàng Thị Duyên	8,73	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
121	23140123	Nguyễn Phan Thanh Lam	8,82	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
122	23140128	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
123	23140182	Trần Anh Quân	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
124	23140224	Nguyễn Văn Toàn	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Hóa học
125	23150009	Nguyễn Phương Dung	8,83	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
126	23150036	Lê Ngọc Minh Thu	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
127	23150051	Vũ Phi Long	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
128	23150054	Phạm Hà Anh Thu	8,55	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
129	23150056	Phạm Ngọc Bảo Trân	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
130	23150061	Nguyễn Hải Anh	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
131	23150097	Nguyễn Thị Huyền	8,54	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
132	23160011	Phùng Thị Trúc Đào	8,15	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Địa chất học
133	23170019	Võ Thị Hồng Ánh	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
134	23170049	Tạ Thị Như Mai	9,59	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
135	23170072	Nguyễn Trần Mai Quỳnh	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
136	23170074	Hồ Thị Thảo Tâm	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
137	23180001	Trần Thị Mỹ Tâm	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
138	23180028	Nguyễn Ngọc Trâm	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
139	23180033	Nguyễn Trung Chương	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
140	23180042	Nguyễn Văn Khoa	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
141	23180073	Phạm Thị Tuyết Anh	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
142	23180075	Nguyễn Quốc Bảo	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
143	23180133	Hồ Trịnh Thảo Ngân	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
144	23180198	Đặng Thị Hà Trang	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
145	23190005	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	8,51	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
146	23190079	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Khoa học vật liệu
147	23190122	Phạm Thị Xuân Uyên	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
148	23197004	Nguyễn Phước Huy Long	9,36	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
149	23200015	Hồ Quốc Huy	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
150	23200023	Nguyễn Đức Lâm	9,18	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
151	23200033	Nguyễn Anh Tuấn	9,19	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
152	23200035	Nguyễn Hữu Nhất Vũ	8,97	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
153	23200141	Đỗ Mỹ Thắm	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
154	23200148	Phạm Quốc Thịnh	8,93	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
155	23210011	Cao Mạnh Nhất	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Hải dương học
156	23220001	Lê Từ Mỹ	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
157	23220049	Hồ Minh Sang	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
158	23230007	Mai Thanh Phúc	8,48	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
159	23230011	Lê Hoàng Phúc	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân
160	23250026	Nguyễn Sinh Hoàng	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
161	23250032	Trần Hoàng Khôi	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
162	23250039	Trần Võ Trà My	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Công nghệ vật liệu
163	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
164	23260052	Âu Trí Viễn	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.360.000	5	16.800.000	Vật lý Y khoa
165	23270004	Trần Minh Hậu	7,25	Khá	Xuất sắc	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Kỹ thuật địa chất
166	23280003	Nguyễn Thị Hoàng Vi	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
167	23280015	Nguyễn Triều Dương	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
168	23280043	Phạm Khang Bình	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
169	23290002	Nguyễn Lê Chánh	9,29	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
170	23290010	Thân Tấn Tài	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
171	23290013	Bồ Nguyễn Kim Thúy	8,61	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
172	23290075	Trần Minh Tiền	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
173	24110007	Phạm Quốc Bình	8,95	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
174	24110032	Ngô Hoàng Lực	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
175	24110036	Nguyễn Hoàng My	8,85	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
176	24110052	Trần Minh Sang	8,75	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
177	24110095	Tô Quang Nhật	8,8	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
178	24110102	Hoàng Phương Thảo	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
179	24110112	Ngô Ngọc Thanh Trúc	8,75	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
180	24110164	Đặng Phước Hùng	8,76	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
181	24110179	Huỳnh Thế Khải	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
182	24110207	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
183	24110245	Đỗ Hoàng Thịnh	8,97	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Nhóm ngành Toán học, Toán tin, Toán ứng dụng
184	24120016	Nguyễn Đình Lê Vũ	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
185	24120040	Dương Hoài Đức	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
186	24120045	Nguyễn Văn Hạ	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
187	24120059	Trần Kim Hữu	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
188	24120102	Đoàn Thanh Nghĩa	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
189	24120121	Lê Quý Phúc	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
190	24120144	Dương Ngọc Minh Thư	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
191	24120170	Phạm Gia Bảo	9,72	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
192	24120177	Cáp Hữu Duy	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
193	24120182	Phạm Lê Huy Hoàng	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
194	24120214	Nguyễn Ngọc Phúc	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
195	24120216	Dương Minh Quân	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
196	24120232	Nguyễn Văn Toàn	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
197	24120269	Ngô Viết Thanh Bình	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
198	24120327	Trịnh Đỗ Minh Huy	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
199	24120359	Trần Tuấn Kiệt	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
200	24120402	Trần Thành Nhân	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
201	24120486	Trần Nhật Trường	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
202	24122002	Đinh Như Phát	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
203	24122015	Mai Hoàng Hiệp	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Trí tuệ nhân tạo
204	24130018	Lê Hữu Hoàng	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
205	24130051	Lê Quang Minh	9,49	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
206	24130055	Phạm Hoàng Nam	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
207	24130086	Nguyễn Hoàng Thanh Uyên	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
208	24130122	Huỳnh Ngọc Thanh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
209	24130147	Nguyễn Trần Nhiên Đăng	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Vật lý học
210	24130176	Nguyễn Thanh Hiền	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Vật lý học
211	24130158	Phan Minh Đức	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ bán dẫn
212	24130270	Phan Phước Toàn	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ bán dẫn
213	24130195	Trần Phước Huy	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
214	24130040	Võ Anh Khoa	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ vật lý điện tử và tin học
215	24140001	Thân Tú Đan	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
216	24140002	Nguyễn Đức Hiền	9,27	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
217	24140003	Nguyễn Lê Huy Hoàng	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24-25)	XL HT (HK2/24-25)	XL ĐRL (HK2/24-25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
218	24140004	Thái Hoàng Tiến	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
219	24140005	Lê Anh Trung	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
220	24140157	Lê Minh Luân	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
221	24140185	Nguyễn Hoàng Phát	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
222	24140189	Nguyễn Đức Phú	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
223	24140207	Cô Hoài Thịnh	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Hóa học
224	24150028	Lê Chí Huyền	8,18	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
225	24150075	Nguyễn Như Quỳnh	8,83	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
226	24150116	Võ Minh Khiêm	8,09	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
227	24150119	Nguyễn Hoàn Tuyết Nhi	8,62	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
228	24150121	Nguyễn Huỳnh Quốc Thanh	8,56	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
229	24150184	Trần Thị Thanh Nhân	8,77	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
230	24150189	Lê Đăng Hoàng Oanh	8,5	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
231	24150215	Đào Thụy Nam Tiên	8,13	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Sinh học
232	24160037	Huỳnh Tiến Thanh	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Địa chất học
233	24170004	Nguyễn Khánh Đan	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
234	24170045	Nguyễn Gia Bảo	7,93	Khá	Xuất sắc	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Khoa học môi trường
235	24170049	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	8,31	Giỏi	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Khoa học môi trường
236	24170068	Nguyễn Văn Hậu	8,16	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
237	24170070	Nguyễn Văn Hiếu	8,11	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
238	24170094	Lê Nguyễn Gia Lâm	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Khoa học môi trường
239	24170156	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,64	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Khoa học môi trường
240	24180003	Phan Nhật Trường	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
241	24180018	Nguyễn Vũ Mai Ly	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
242	24180039	Phạm Đặng Hoàng Trân	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
243	24180041	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
244	24180104	Võ Quang Hiến	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
245	24180110	Bùi Gia Xuân Hồng	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
246	24180118	Nguyễn Huỳnh Khang	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.648.000	5	18.240.000	Công nghệ sinh học
247	24180214	Trần Cát Tường Vi	8,91	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Công nghệ sinh học
248	24190034	Vương Huỳnh Minh Phương	8,3	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
249	24190059	Nguyễn Hình Biên Giới	8,1	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
250	24190123	Nguyễn Ngọc Quỳnh	7,92	Khá	Xuất sắc	Khá	3.040.000	5	15.200.000	Khoa học vật liệu
251	24190139	Lê Thị Huyền Thương	8,41	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
252	24190150	Nguyễn Xuân Trường	8,11	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.344.000	5	16.720.000	Khoa học vật liệu
253	24190157	Võ Hoàng Vũ	7,96	Khá	Xuất sắc	Khá	3.040.000	5	15.200.000	Khoa học vật liệu
254	24200047	Lưu Gia Bảo	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
255	24200127	Nguyễn Hải Minh	8,89	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
256	24200149	Đoàn Thanh Phúc	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
257	24200154	Nguyễn Minh Quân	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
258	24200185	Lê Mạnh Thanh Thùy	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.410.000	5	17.050.000	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
259	24200124	Nguyễn Hồ Duy Mạnh	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Thiết kế vi mạch
260	24200151	Nguyễn Ích Quốc Phương	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Thiết kế vi mạch
261	24210017	Võ Thành Hiếu	8,31	Giỏi	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Hải dương học
262	24210020	Trần Đức Anh	7,96	Khá	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Hải dương học
263	24220003	Võ Ngọc Kim Dung	8,99	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
264	24220014	Nguyễn Thị Thu Uyên	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
265	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
266	24220107	Mai Nguyễn Minh Thơ	8,79	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
267	24220113	Nguyễn Dạ Hoài Thương	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
268	24220130	Bùi Hữu Vinh	8,58	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Công nghệ kỹ thuật môi trường
269	24230023	Lê Đức Anh Tuấn	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	2.964.000	5	14.820.000	Kỹ thuật hạt nhân
270	24230033	Trần Thị Thu Hương	8,38	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật hạt nhân
271	24250005	Đoàn Trung Hiếu	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
272	24250009	Đào Nguyễn Ngân Khánh	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
273	24250034	Nguyễn Võ Thành Danh	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu
274	24250076	Phạm Hoàn Mỹ	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Công nghệ vật liệu

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐTB xét HB (HK2/24- 25)	XL HT (HK2/24- 25)	XL ĐRL (HK2/24- 25)	LOẠI HB	TIỀN HB/THÁNG (VNĐ)	SỐ THÁNG	TỔNG CỘNG (VNĐ)	NGÀNH
275	24260004	Phạm Thị Lành	8,71	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
276	24260034	Nguyễn Văn Anh Khôi	8,88	Giỏi	Tốt	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
277	24260051	Đặng Diễm Quỳnh	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	3.080.000	5	15.400.000	Vật lý Y khoa
278	24270006	Lâm Bá Khang	8,34	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Kỹ thuật địa chất
279	24280030	Trần Ngọc Các Uyên	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
280	24280038	Nguyễn Đăng Nhân	9,91	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
281	24280046	Võ Quỳnh Ý	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
282	24280080	Nguyễn Diệu Lê	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	3.720.000	5	18.600.000	Khoa học dữ liệu
283	24290001	Lê Bảo Anh	7,99	Khá	Khá	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
284	24290008	Lý Xuân Mai	8,33	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
285	24290011	Ngô Ngọc Ngân	8,22	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
286	24290039	Nguyễn Huỳnh Thùy Duyên	8,17	Giỏi	Tốt	Giỏi	2.717.000	5	13.585.000	Quản lý tài nguyên và môi trường
287	24290055	Trần Thị Quỳnh Lam	7,83	Khá	Tốt	Khá	2.470.000	5	12.350.000	Quản lý tài nguyên và môi trường